

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

1. Công ty: Công ty Cổ phần Kosy

- Mã CK: KOS
- Địa chỉ trụ sở chính: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, T.P Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024 37833660 Fax: 024 37833661
- Email: infor@kosy.vn

2. Nội dung của thông tin công bố:

Nghị quyết, Biên bản kiểm phiếu về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025 và Tờ trình được thông qua của Công ty.

3. Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/12/2025 tại đường dẫn:

https://kosy.vn/shareholder_category/cong-ty-co-phan-kosy/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết, Biên bản kiểm phiếu và Tờ trình được thông qua ngày 16/12/2025;

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ/KOS

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và các nội dung khác

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Kosy;

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị số: 08/2025/TTr-HĐQT ngày 05/12/2025;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông do Ban Kiểm phiếu lập ngày 16/12/2025;

Căn cứ nhu cầu tổ chức và hoạt động của công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính

1. Địa chỉ trụ sở chính trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, T.P Hà Nội, Việt Nam

2. Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2: Thông qua thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế:

Địa chỉ nhận thông báo thuế trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ nhận thông báo thuế sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 3: Cập nhật mã ngành kinh doanh của Công ty theo quy định mới:

Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam có hiệu lực từ ngày 15/11/2025, ngành nghề đăng ký của Công ty được cập nhật và thay đổi lại như sau:

STT	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Mã ngành
1.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: - Dịch vụ niêm yết bất động sản (Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản); - Dịch vụ đại lý bất động sản và môi giới bất động sản; - Dịch vụ bán không gian quảng cáo cho bên thứ ba;	6821
2.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở;	6829
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa công trình viễn thông;	4329
4.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cho thuê công trình viễn thông;	6190
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
6.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải;	3700
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) Loại trừ: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng	6810 (Chính)
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	8299
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi;	0810
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít, quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu (trừ những khoáng sản cấm khai thác).	0729
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730

12.	Khai thác quặng sắt	0710
13.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2399
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;	4673
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
16.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;	9329
18.	Đại lý lữ hành Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa (loại trừ kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài); - Du lịch sinh thái (loại trừ kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7911
19.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng;	4312
20.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4652
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thiết kế nội ngoại thất công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;	7110

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
25.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối	4652
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511
34.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
35.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải, Phân phối điện;	3513
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ;	5224
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa;	5229

40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt thép; (Loại trừ: Kim loại quý và quặng Kim loại)	4672
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Đào tạo trung cấp	8532
47.	Đào tạo cao đẳng	8533
48.	Đào tạo đại học	8541
49.	Đào tạo thạc sĩ	8542
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh các công trình, tòa nhà Dịch vụ vệ sinh máy móc công nghiệp	8129
52.	Dịch vụ cảnh quan Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác	8130

Điều 4: Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ của Công ty

Nội dung trên được sửa đổi tại Điều lệ Công ty phù hợp quy định của pháp luật (*Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty được đính kèm*).

Điều 5: Thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định và thực hiện các công việc cần thiết để triển khai việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và cập nhật mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty. HĐQT được giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, người đại

diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kosy hoặc người khác được ủy quyền lại thực hiện các công việc liên quan. Các công việc hay các vấn đề được giao hoặc ủy quyền trên đây bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thay đổi trụ sở chính, nơi nhận thông báo thuế, cập nhật mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc quyết định thay đổi thông tin địa chỉ mới và mã ngành, ngành nghề kinh doanh mới của Công ty tại địa chỉ khác theo nhu cầu kinh doanh và phù hợp với yêu cầu của cơ quan nhà nước. Đồng thời, HĐQT điều chỉnh hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với địa chỉ mới mà không cần thực hiện xin phê duyệt lại của ĐHĐCĐ.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc đặt trụ sở chính Công ty tại địa chỉ mới phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 6: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ban lãnh đạo Công ty, các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan và các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này../.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: VT, HC-NS.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/2025/BBKP-KOS

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Kosy;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT/KOS của Hội đồng quản trị Công ty về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025 và chốt danh sách cổ đông có quyền tham gia;

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị số: 08/2025/TTr-HĐQT ngày 05/12/2025;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của cổ đông gửi về Công ty;

Hôm nay, vào hồi 08h00' ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại Văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần Kosy địa chỉ Tầng 6 – Tòa nhà Hội nhà báo Việt Nam, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 0103022871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/03/2008. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0102681319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần thứ 2 ngày 09/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: B6-BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 6 – Tòa nhà Hội nhà báo Việt Nam, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 37833660

Fax: 024 37833661

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Ban kiểm phiếu:

- Ông **Nguyễn Việt Cường** (*Chủ tịch HĐQT*): Trưởng ban kiểm phiếu
- Bà **Nguyễn Thị Hằng** (*Phó chủ tịch HĐQT*): Thành viên
- Ông **Tạ Ngọc Sơn** (*Thành viên HĐQT độc lập*): Thành viên
- Bà **Bùi Thị Minh Hiếu**: Thành viên
- Bà **Nguyễn Thanh Thùy**: Thành viên

2. Ban giám sát kiểm phiếu:

- Ông **Hà Việt Hùng** (*Trưởng BKS*): Trưởng ban giám sát kiểm phiếu
- Bà **Trần Thị Thu Hoài** (*Thành viên BKS*): Thành viên

Cùng tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

III. MỤC ĐÍCH

Kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc thay đổi trụ sở chính Công ty, địa chỉ nhận thông báo thuế, cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh và phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty.

IV. VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN THÔNG QUA

Nội dung: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ nhận thông báo thuế, cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh và Phụ lục sửa đổi Điều lệ của Công ty (*Chi tiết tại Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT và tài liệu đính kèm*).

V. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ đông của Công ty: 454 Cổ đông (*theo Danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/11/2025*)

Tổng số cổ phần đã phát hành của Công ty: 216.481.335 cổ phần

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 216.481.335 cổ phần.

Tổng số cổ đông đã được gửi phiếu lấy ý kiến: 454 Cổ đông, tương đương với 216.481.335 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Tổng số Phiếu lấy ý kiến cổ đông gửi về Công ty đến 17h00 ngày 15/12/2025 là 65 Phiếu, tương đương 190.782.403 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,13% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, trong đó:

Số phiếu lấy ý kiến hợp lệ: 65 Phiếu, đại diện cho 190.782.403 Cổ phần

Số phiếu lấy ý kiến không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho 0 Cổ phần

Tổng số Phiếu lấy ý kiến Công ty không nhận được đúng thời hạn là 389 Phiếu, tương đương 25.698.932 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,87% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Các Phiếu lấy ý kiến này sẽ được tính là Phiếu không có ý kiến theo Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025.

Phương thức gửi phiếu lấy ý kiến:

- Gửi trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo qua đường bưu điện;
- Gửi Fax theo số Fax của Công ty được ghi rõ tại phiếu lấy ý kiến;
- Gửi bản scan vào địa chỉ mail được ghi rõ tại phiếu lấy ý kiến.

VI. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

Nội dung: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ nhận thông báo thuế, cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh và Phụ lục sửa đổi Điều lệ của Công ty
(Chi tiết tại Tờ trình số 08/2025/TTr-HĐQT đính kèm)

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	SLCP có quyền biểu quyết tương đương	Tỷ lệ % tham gia lấy ý kiến	Kết luận
Tán thành	181.921.761	181.921.761	95,36%	Thông qua
Không tán thành	8.860.642	8.860.642	4,64%	
Ý kiến khác	0	0	0	
Không ý kiến	0	0	-	
Tổng cộng	190.782.403	190.782.403	100%	

Tỷ lệ biểu quyết thông qua là: 181.921.761 cổ phiếu, tỷ lệ 95,36% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

VII. KẾT LUẬN NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA

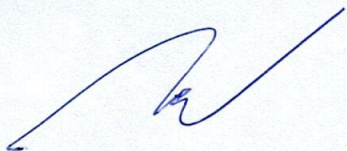
Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty Cổ phần Kosy, Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như trên, nội dung xin ý kiến cổ đông bằng văn bản đạt tỷ lệ tán thành theo quy định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ nhận thông báo thuế và phụ lục sửa đổi Điều lệ của Công ty.

Việc kiểm phiếu kết thúc vào lúc 10h00' cùng ngày.

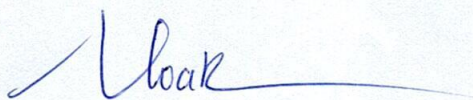
Biên bản kiểm phiếu biểu quyết này đã được Trưởng Ban kiểm phiếu đọc cho tất cả các thành viên tham gia. Toàn thể các thành viên Ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu đồng thuận nhất trí thông qua toàn bộ nội dung Biên bản kiểm phiếu này, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Biên bản kiểm phiếu và đồng ý ký tên dưới đây.

Chữ ký các thành viên

BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU



Hà Việt Hùng

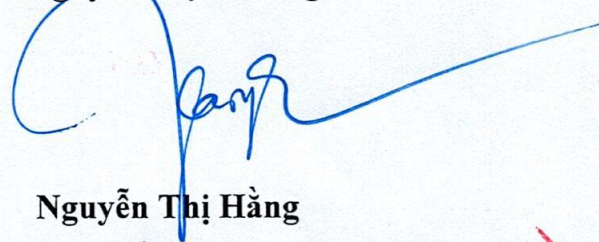


Trần Thị Thu Hoài

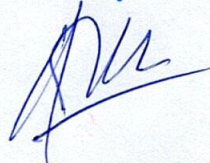


BAN KIỂM PHIẾU

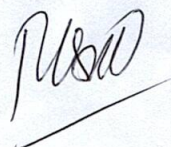
Nguyễn Việt Cường



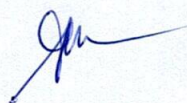
Nguyễn Thị Hằng



Tạ Ngọc Sơn



Bùi Thị Minh Hiếu



Nguyễn Thanh Thùy



**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY**

(V/v: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và các nội dung khác)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Kosy

Theo nhu cầu kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Kosy (“Công Ty”) trân trọng kính trình và đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo phương án tại Tờ trình này.

Trình ĐHCĐ phê duyệt việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty như sau:

1. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế:

Địa chỉ nhận thông báo thuế trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ nhận thông báo thuế sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Cập nhật mã ngành kinh doanh của Công ty theo quy định mới:

Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam có hiệu lực từ ngày 15/11/2025, ngành nghề đăng ký của Công ty được cập nhật và thay đổi lại như sau:

STT	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Mã ngành
-----	-----------------------------------	----------

1.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: - Dịch vụ niêm yết bất động sản (Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản); - Dịch vụ đại lý bất động sản và môi giới bất động sản; - Dịch vụ bán không gian quảng cáo cho bên thứ ba;	6821
2.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở;	6829
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa công trình viễn thông;	4329
4.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cho thuê công trình viễn thông;	6190
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
6.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải;	3700
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) Loại trừ: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng	6810 (Chính)
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	8299
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi;	0810
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít, quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu (trừ những khoáng sản cấm khai thác).	0729
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730

12.	Khai thác quặng sắt	0710
13.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2399
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;	4673
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
16.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;	9329
18.	Đại lý lữ hành Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa (loại trừ kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài); - Du lịch sinh thái (loại trừ kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7911
19.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng;	4312
20.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4652
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thiết kế nội ngoại thất công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp;	7110

	- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;	
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
25.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối	4652
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511
34.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
35.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải, Phân phối điện;	3513
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ;	5224
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa;	5229
40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt thép; (Loại trừ: Kim loại quý và quặng Kim loại)	4672
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Đào tạo trung cấp	8532
47.	Đào tạo cao đẳng	8533
48.	Đào tạo đại học	8541
49.	Đào tạo thạc sĩ	8542
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh các công trình, tòa nhà Dịch vụ vệ sinh máy móc công nghiệp	8129
52.	Dịch vụ cảnh quan Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác	8130

4. Sửa đổi Điều lệ: Nội dung trên được sửa đổi tại Điều lệ Công ty phù hợp quy định của pháp luật (*Dự thảo Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty được đính kèm*).

5. Giao và ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định và thực hiện các công việc cần thiết để triển khai việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và cập nhật mã ngành, ngành nghề

kinh doanh của Công ty. HĐQT được giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kosy hoặc người khác được ủy quyền lại thực hiện các công việc liên quan. Các công việc hay các vấn đề được giao hoặc ủy quyền trên đây bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thay đổi trụ sở chính, nơi nhận thông báo thuế, cập nhật mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc quyết định thay đổi thông tin địa chỉ mới và mã ngành, ngành nghề kinh doanh mới của Công ty tại địa chỉ khác theo nhu cầu kinh doanh và phù hợp với yêu cầu của cơ quan nhà nước. Đồng thời, HĐQT điều chỉnh hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với địa chỉ mới mà không cần thực hiện xin phê duyệt lại của ĐHĐCĐ.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc đặt trụ sở chính Công ty tại địa chỉ mới phù hợp với quy định pháp luật.

Đề nghị ĐHĐCĐ chấp thuận, phê chuẩn toàn bộ các quyết định và công việc liên quan đến các nội dung nêu trên do HĐQT thực hiện.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu HĐQT, VT./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

KOSY
6/19

CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2025/NQ-ĐHĐCĐ/KOS

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và các nội dung khác

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Kosy;

Căn cứ Tờ trình của Hội đồng quản trị số: 08/2025/TTr-HĐQT ngày 05/12/2025;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông do Ban Kiểm phiếu lập ngày .../.../2025;

Căn cứ nhu cầu tổ chức và hoạt động của công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính

1. Địa chỉ trụ sở chính trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, T.P Hà Nội, Việt Nam

2. Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2: Thông qua thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế:

Địa chỉ nhận thông báo thuế trước khi thay đổi: B6- BT5, Khu đô thị mới Mỹ Đình 2, Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ nhận thông báo thuế sau khi thay đổi: Tầng 24, Tòa nhà Rox Tower, số 136 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 3: Cập nhật mã ngành kinh doanh của Công ty theo quy định mới:

Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam có hiệu lực từ ngày 15/11/2025, ngành

nghề đăng ký của Công ty được cập nhật và thay đổi lại như sau:

STT	Tên ngành nghề đăng ký kinh doanh	Mã ngành
1.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: - Dịch vụ niêm yết bất động sản (Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản); - Dịch vụ đại lý bất động sản và môi giới bất động sản; - Dịch vụ bán không gian quảng cáo cho bên thứ ba;	6821
2.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở;	6829
3.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa công trình viễn thông;	4329
4.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cho thuê công trình viễn thông;	6190
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
6.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải;	3700
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) Loại trừ: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng	6810 (Chính)
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	8299
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi;	0810

10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít, quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu (trừ những khoáng sản cấm khai thác).	0729
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
12.	Khai thác quặng sắt	0710
13.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2399
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;	4673
15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
16.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
17.	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí;	9329
18.	Đại lý lữ hành Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa (loại trừ kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài); - Du lịch sinh thái (loại trừ kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	7911
19.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng;	4312
20.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4652
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

	Chi tiết: - Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thiết kế nội ngoại thất công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;	
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
25.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối.	4651
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ: Các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối	4652
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
29.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo	3511
34.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
35.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải, Phân phối điện;	3513
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224

	Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá đường bộ;	
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa;	5229
40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
44.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt thép; (Loại trừ: Kim loại quý và quặng Kim loại)	4672
45.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46.	Đào tạo trung cấp	8532
47.	Đào tạo cao đẳng	8533
48.	Đào tạo đại học	8541
49.	Đào tạo thạc sĩ	8542
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh các công trình, tòa nhà Dịch vụ vệ sinh máy móc công nghiệp	8129
52.	Dịch vụ cảnh quan Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác	8130

Điều 4: Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ của Công ty

Nội dung trên được sửa đổi tại Điều lệ Công ty phù hợp quy định của pháp luật (*Phụ lục sửa đổi Điều lệ Công ty được đính kèm*).

Điều 5: Thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định và thực hiện các công việc cần thiết để triển khai việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và cập nhật mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty. HĐQT được giao/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kosy hoặc người khác được ủy quyền lại thực hiện các công việc liên quan. Các công việc hay các vấn đề được giao hoặc ủy quyền trên đây bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thay đổi trụ sở chính, nơi nhận thông báo thuế, cập nhật mã ngành, ngành nghề kinh doanh của Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc quyết định thay đổi thông tin địa chỉ mới và mã ngành, ngành nghề kinh doanh mới của Công ty tại địa chỉ khác theo nhu cầu kinh doanh và phù hợp với yêu cầu của cơ quan nhà nước. Đồng thời, HĐQT điều chỉnh hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với địa chỉ mới mà không cần thực hiện xin phê duyệt lại của ĐHĐCĐ.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến việc đặt trụ sở chính Công ty tại địa chỉ mới phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 6: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ban lãnh đạo Công ty, các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan và các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này../.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: VT, HC-NS.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN VIỆT CƯỜNG